CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây dựng COTECCONS

Ngày 31/12/2025	76,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.1%	**-6.1%**	**-5.8%**

DT thuần
Q4/25
10,007
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2,555| 34.3%
YoY: ▲ 3,121| 45.3%

LN thuần
Q4/25
284
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 90.0| 46.4%
YoY: ▲ 166| 141%

LN sau thuế
Q4/25
228
tỷ VNĐ
QoQ: ▼67.0| -22.8%
YoY: ▲ 123| 117%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.7%
YoY: +/-▲ 1.2%

ROE
2025
8.6%
YoY: +/-▲ 4.3%

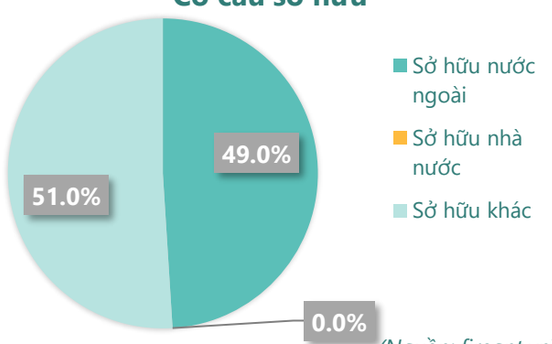
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	60,522 - 97,419
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,094
Số lượng CPLH (CP)	106,500,404
KLGD BQ 20 phiên (CP)	532,450
Sở hữu nước ngoài	49.0%
Beta	0.95
EPS	7,336
P/E	10.4

DT thuần
2025
30,699
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7,793| 34.0%

LN thuần
2025
773
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 399| 107%

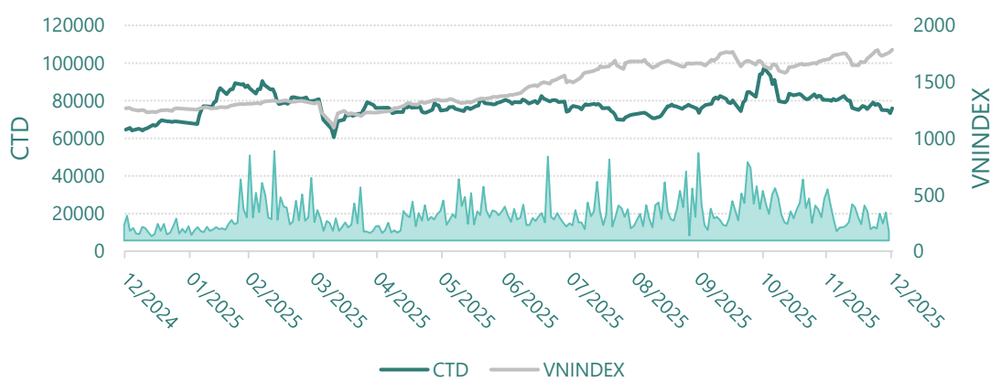
LN sau thuế
2025
781
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 408| 109%

Cơ cấu sở hữu

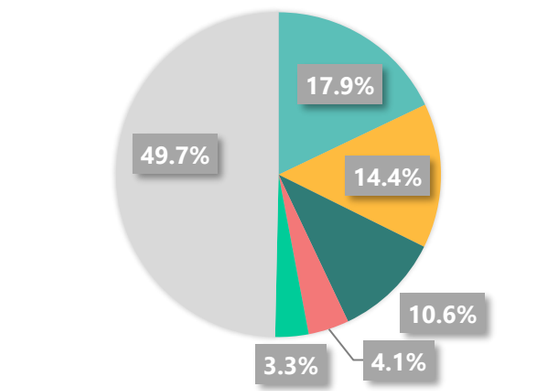


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



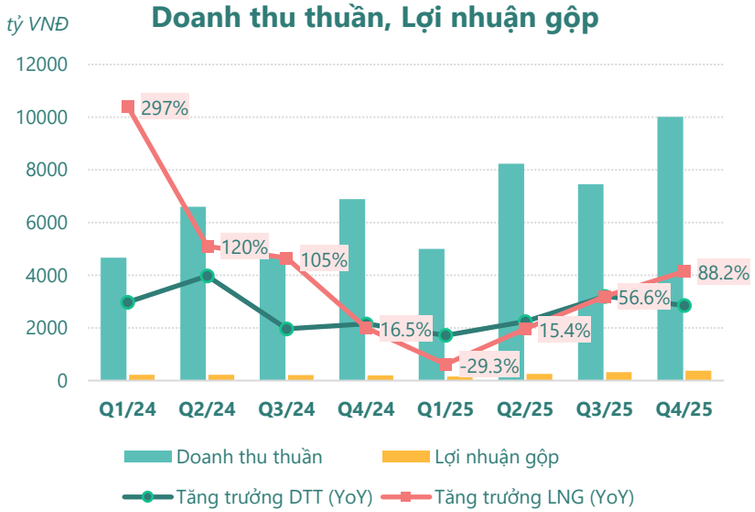
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

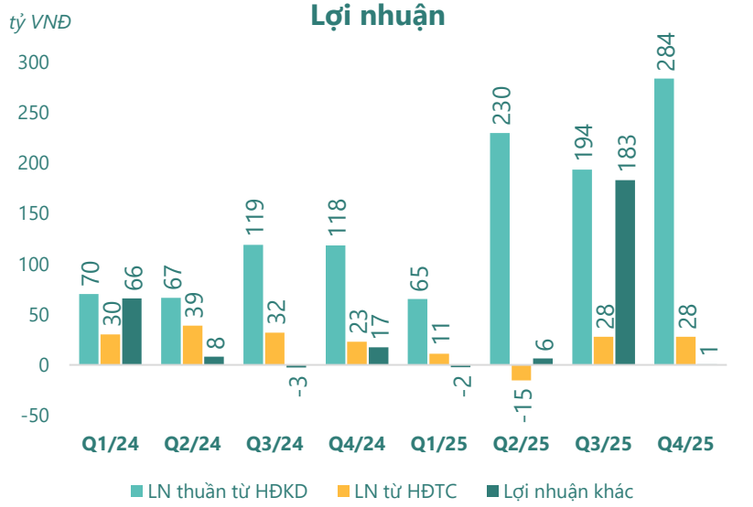
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



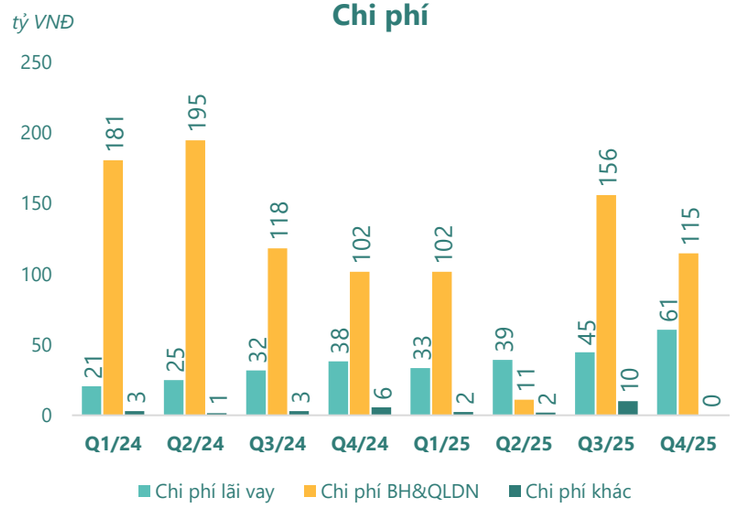
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



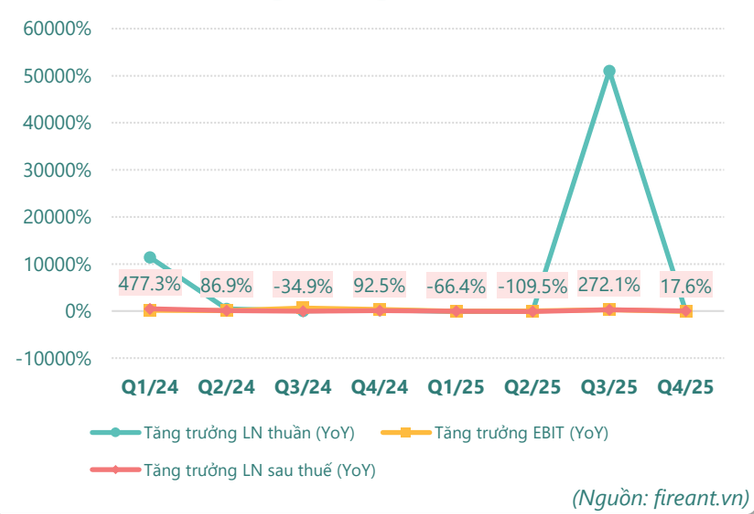
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



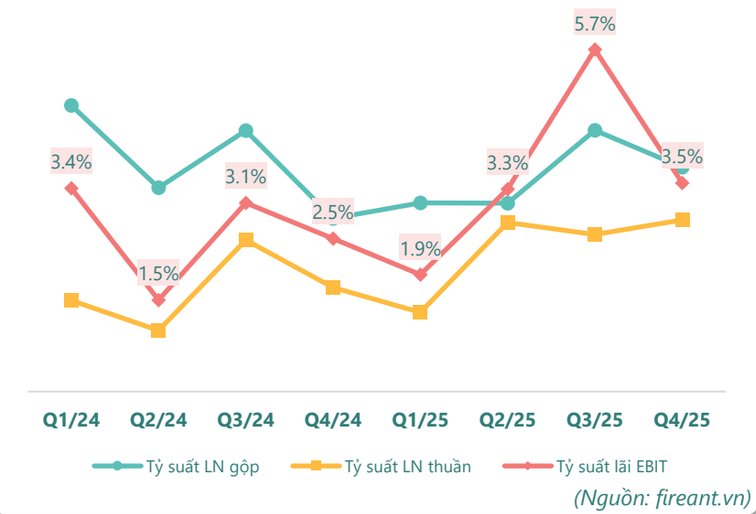
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



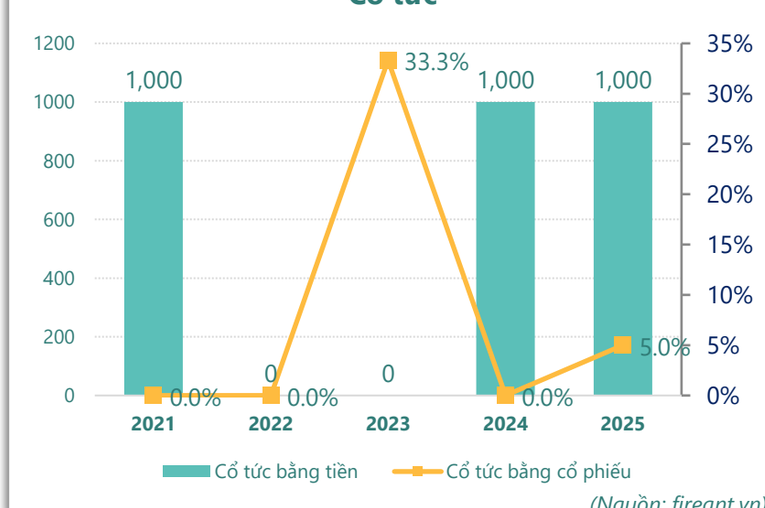
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

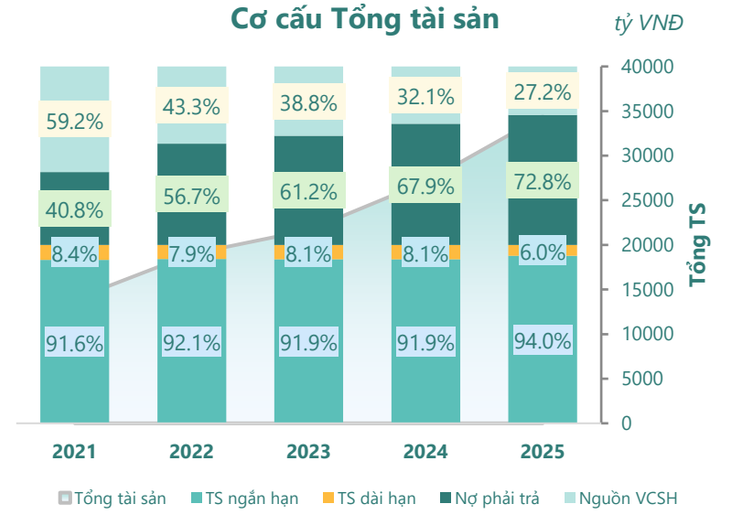
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

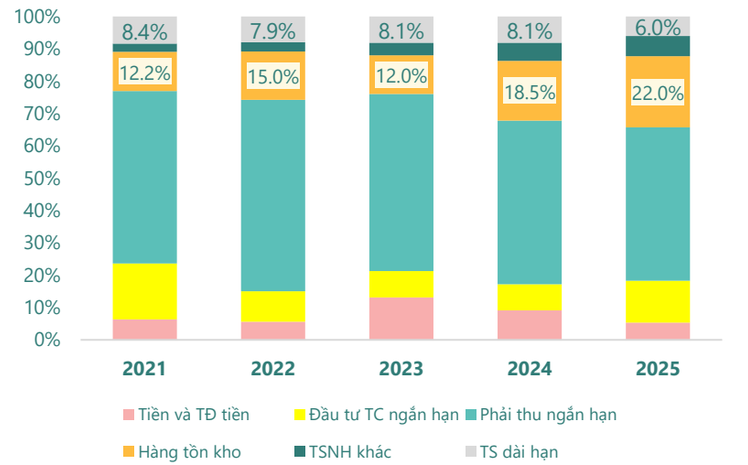
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



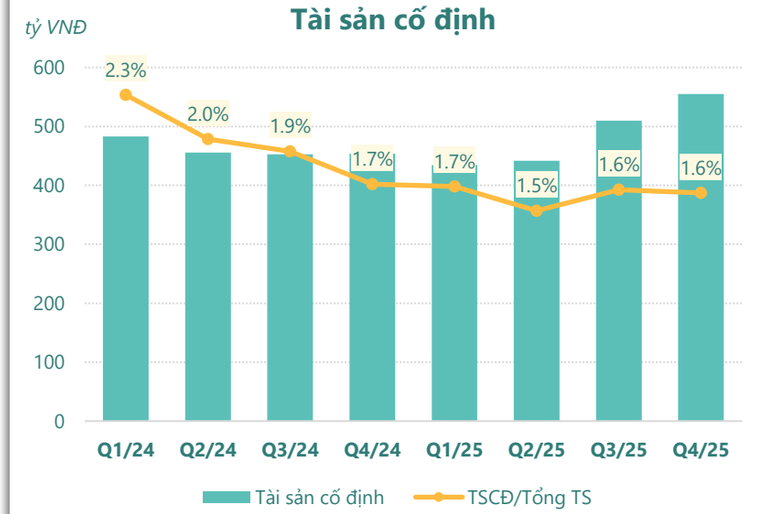
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



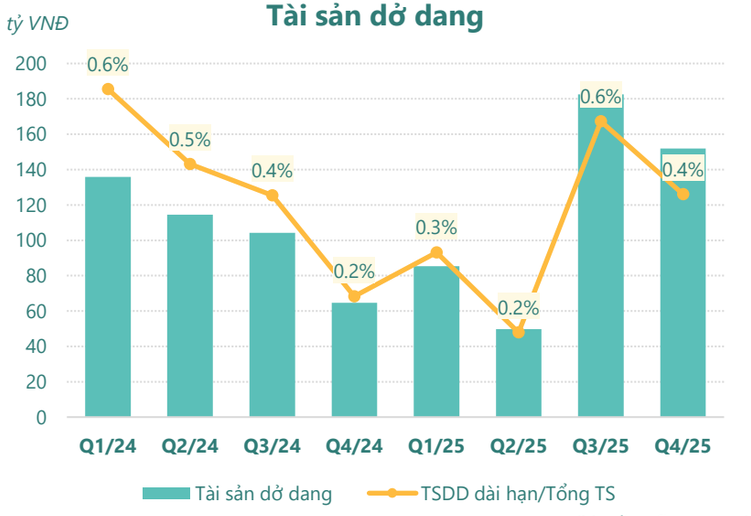
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



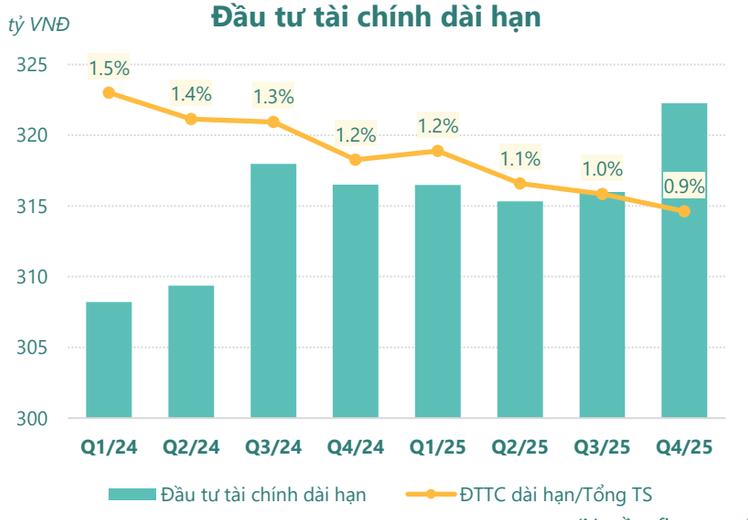
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



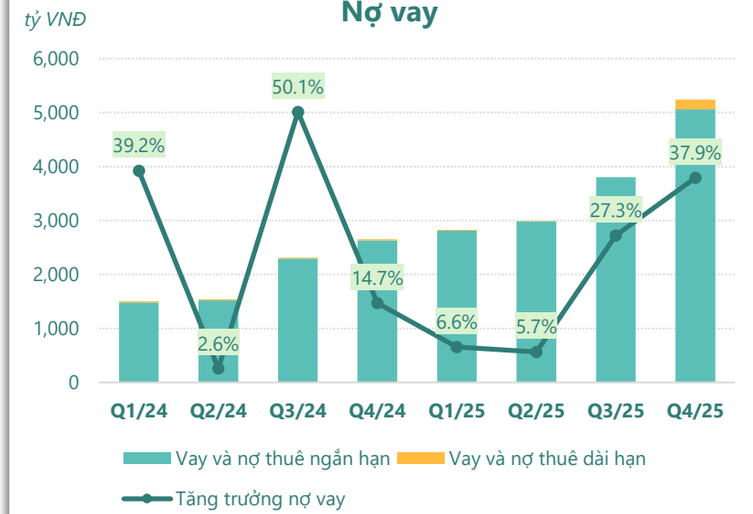
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

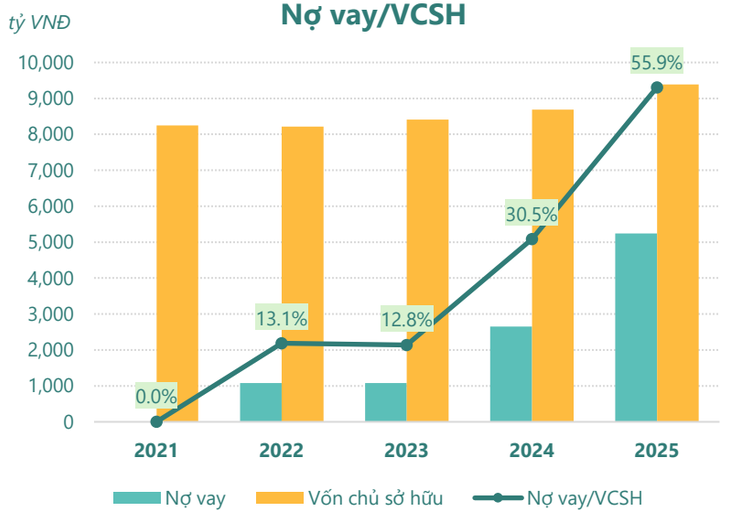
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

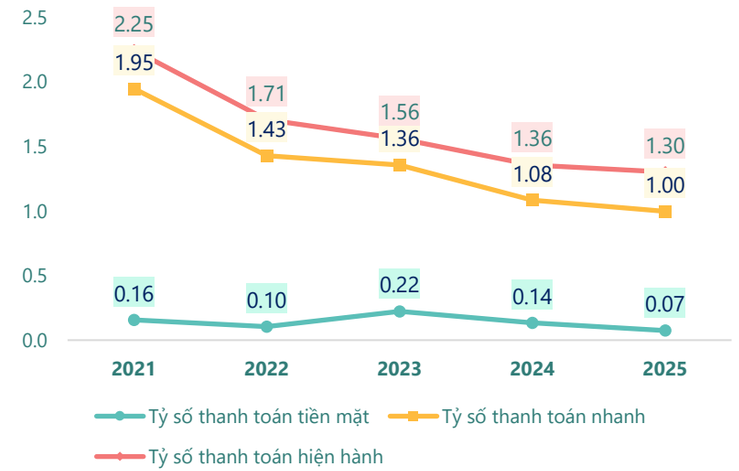
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



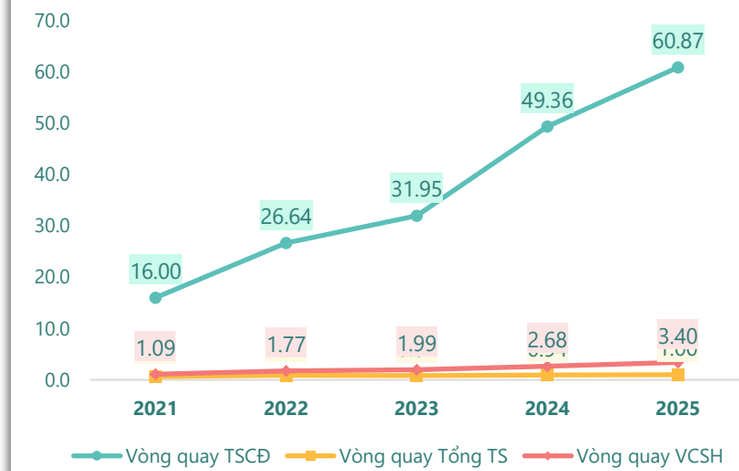
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



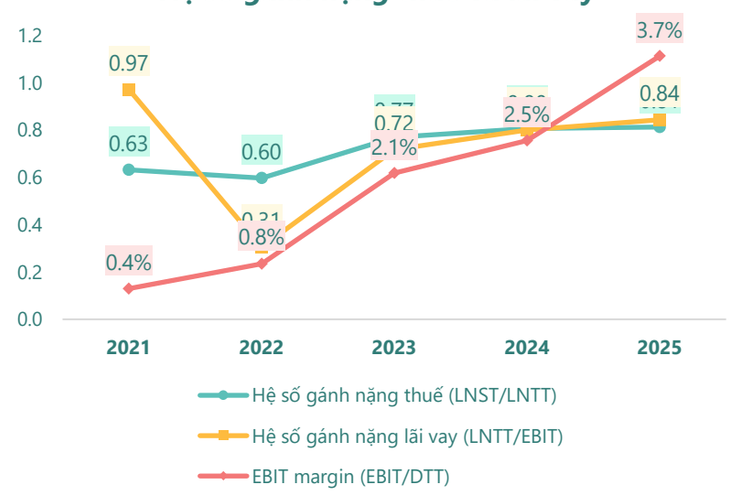
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



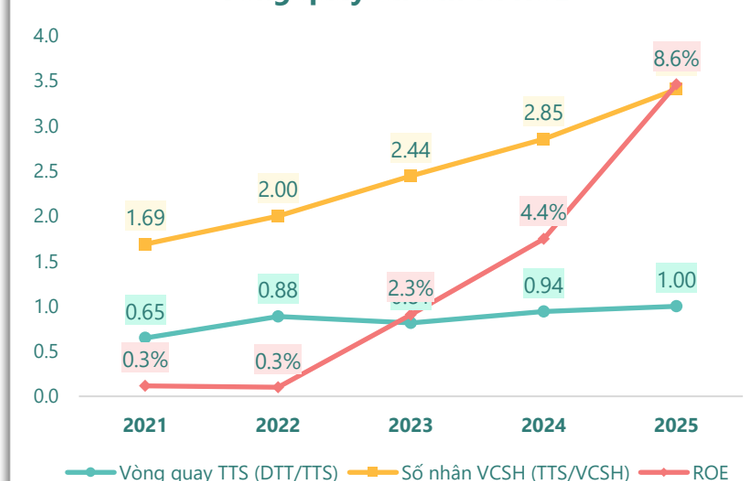
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



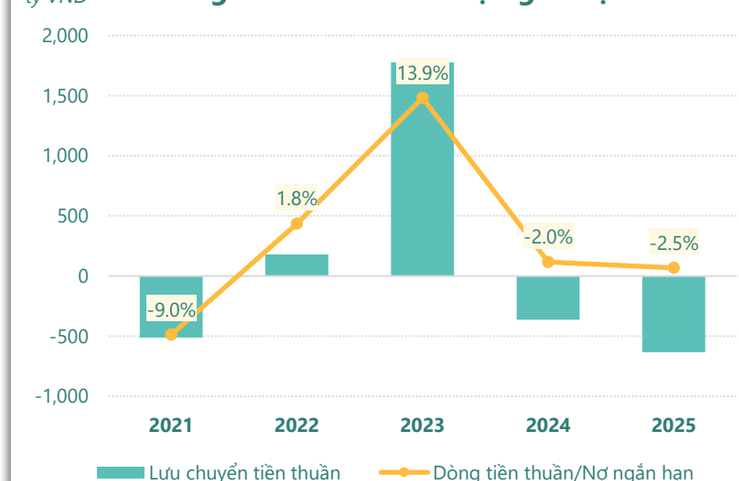
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**10,007**	**6,886**	**45.3%**	**30,699**	**22,906**	**34.0%**
Giá vốn hàng bán	9,636	6,688	44.1%	29,594	22,056	34.2%
Lợi nhuận gộp	371	197	88.3%	1,105	850	30.0%
Doanh thu HĐTC	88.1	57.4	53.5%	293	239	22.8%
Chi phí TC	60.4	34.3	76.0%	242	114	111%
Chi phí lãi vay	60.7	38.2	58.8%	178	115	54.8%
LN trong công ty LKLD	**0.00**	**0.00**		**-0.02**	**-0.02**	**-27.5%**
Chi phí bán hàng	0.74	0.85	-13.2%	1.11	1.07	4.5%
Chi phí QLDN	**114**	**101**	**13.0%**	**382**	**600**	**-36.3%**
LN thuần từ HĐKD	284	118	141%	773	374	107%
Lợi nhuận khác	**0.71**	**17.4**	**-95.9%**	**188**	**88.9**	**111%**
LN trước thuế	285	136	109%	961	463	108%
Lợi nhuận sau thuế	**228**	**105**	**117%**	**781**	**373**	**109%**
LNST của CĐ cty mẹ	**228**	**105**	**117%**	**781**	**373**	**109%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-388	42.7	-1,371	562	-838	816
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-889	391	715	85.6	-1,081	-1,916
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	772	340	74.4	167	814	1,340
Tiền đầu kỳ	2,210	1,705	2,479	1,897	2,712	1,608
Lưu chuyển tiền thuần	**-505**	**773**	**-582**	**815**	**-1,105**	**239**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	-0.03	0.15	0.28	0.16	-0.04
Tiền cuối kỳ	1,705	2,479	1,897	2,712	1,608	1,847

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**34,442**	**27,085**	**27.2%**
Tài sản ngắn hạn	32,365	24,885	30.1%
Tiền và tương đương tiền	1,847	2,479	-25.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,437	2,189	103%
Phải thu ngắn hạn	16,354	13,696	19.4%
Hàng tồn kho	7,569	4,999	51.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2,157	1,523	41.7%
Tài sản dài hạn	**2,077**	**2,200**	**-5.6%**
Phải thu dài hạn	0	516	-100%
Tài sản cố định	555	454	22.4%
Bất động sản đầu tư	303	315	-3.8%
Tài sản dở dang	152	64.7	135%
Đầu tư tài chính dài hạn	322	316	1.8%
Tài sản dài hạn khác	**604**	**534**	**13.0%**
Lợi thế thương mại	142	0	
Nợ phải trả	25,057	18,394	36.2%
Nợ ngắn hạn	**24,848**	**18,335**	**35.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5,062	2,634	92.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	8,057	7,142	12.8%
Nợ dài hạn	209	59.5	251%
Vay và nợ thuê dài hạn	180	18.6	869%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9,385**	**8,690**	**8.0%**
Vốn chủ sở hữu	**9,385**	**8,690**	**8.0%**
Vốn điều lệ	1,036	1,036	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)